

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2017/DS-PT.

Ngày: 29/8/2017.

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Các Thẩm phán:

Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Bùi Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 167A/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị C, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Phạm Chí D, sinh năm: 1953.

Ủy quyền cho ông Phạm Văn H, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Phạm Văn H, sinh năm: 1974.

3.2 Phạm Thị H1, sinh năm: 1953.

3.3 Phạm Trường K, sinh năm: 2000.

3.4 Phạm Thanh T, sinh năm: 1997.

3.5 Phạm Thị Ngọc B1, sinh năm: 1979 .

Cùng địa chỉ: ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Phạm Thị H1, anh Phạm Trường K, chị Phạm Thị Ngọc B1 ủy quyền cho ông Phạm Văn H.

3.6 Ủy ban nhân dân huyện B.

Đại diện ông Nguyễn Văn A – Chủ tịch UBND huyện B

Ủy quyền cho ông Huỳnh Văn N1 - Phó chủ tịch.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Chí D là bị đơn.

(Bà C, ông H có mặt, anh T vắng mặt; UBND huyện B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày: Quyền sử dụng đất tranh chấp diện tích 2.000m² thuộc một phần thửa 1156, mục đích sử dụng: đất trồng lúa, diện tích 2.700m², tờ bản đồ số 03 do hộ ông Phạm Chí D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện B cấp ngày 22/8/2001 có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn K1 (là ông nội của ông Nguyễn Văn H2). Vào năm 1981 Nhà nước cấp đất nông nghiệp cho hộ gia đình theo nhân khẩu là 1.300m²/mỗi người, còn trường hợp gia đình chính sách thì được cấp 2.000m²/mỗi người, do gia đình ông Phạm Chí D (cha ruột bà C) thuộc diện chính sách gia đình liệt sĩ nên được cấp 12.000m² đất nông nghiệp và 2.594m² đất ở (06 nhân khẩu), bà cũng là một trong 06 nhân khẩu của gia đình. Năm 1990 bà lấy chồng, năm 1992 thì ông D có cho lại bà ô đất có diện tích 2.000m², bà canh tác đến năm 1996 thì có chủ trương trả thành quả lao động cho chủ đất cũ nên bà có trả cho ông Nguyễn Văn H2 2.600.000đ/2.000m², bà canh tác đến hết vụ đông xuân năm 2014 thì ông D và ông H (con ông D, em bà C) ngang nhiên vào lấy lại diện tích đất trên, khi đó Chính quyền địa phương xã P có động viên cho bà canh tác nhưng ông D không đồng ý và tiếp tục vào canh tác, sản xuất lúa cho đến nay.

Bà C yêu cầu ông Phạm Chí D và những người trong hộ gia đình ông D gồm bà Phạm Thị H1, anh Phạm Trường K, ông Phạm Văn H, anh Phạm Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc B1 trả lại cho bà diện tích đất 2.000m² thửa 1156, tờ bản đồ số 03 do ông Phạm Chí D đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Tại bản khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải cùng các lời khai tại Tòa án ông Phạm Văn H đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Chí D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H1, anh Phạm Trường K trình bày: Trước đây vào khoảng năm 1980 cha ông là ông Phạm Chí D được tập đoàn cấp đất diện tích 14.549m² gồm đất lúa và đất thổ cư tọa lạc ở ấp N, xã P, nhưng không rõ theo chủ trương gì. Năm 1991 bà C lập gia đình về xã L sinh sống, khoảng một năm sau thì bà trở về sống chung với gia đình ba mẹ ông, lúc đó cha ông thấy bà C có hoàn cảnh khó khăn nên

cho bà C mượn đất tranh chấp diện tích thực đo 2.183,2m² để canh tác, khi nào cha ông cần thì bà C phải trả đất lại. Năm 1995-1996 có chủ trương trả thành quả lao động cho chủ đất cũ thì cha ông có trả cho ông H2 1.300đ/m² với diện tích là 1.428m². Vụ đông xuân năm 2014 thì ông D có cho bà C hay lấy lại phần đất của ông D cho bà C mượn nhưng bà C không trả lại, nên ông D có đến lấy lại đất tranh chấp và canh tác cho đến nay.

Việc bà C yêu cầu trả lại diện tích đất là 2.000m² thửa 1156, tờ bản đồ số 03 do ông Phạm Chí D đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Phạm Chí D, bà Phạm Thị H1, anh Phạm Trường K và ông Phạm Văn H không đồng ý vì đất tranh chấp là của ông D và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất.

* Tại đơn yêu cầu hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 21/11/2016 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Phạm Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc B1 thể hiện: Anh T và chị B1 thống nhất trình bày và quan điểm của cha anh chị là ông Phạm Chí D, không đồng ý trả lại quyền sử dụng đất tranh chấp diện tích 2.000m² thuộc một phần thửa 1156, mục đích sử dụng: đất trồng lúa, diện tích 2.700m², tờ bản đồ số 03 do hộ ông Phạm Chí D đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, được UBND huyện B cấp ngày 22/8/2001 và bản thân anh chị không có yêu cầu gì trong vụ án này.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện B, đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Văn N1 có đơn xin vắng mặt trong phiên hòa giải và phiên tòa xét xử đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật đồng thời bảo lưu nội dung và quan điểm của UBND Huyện theo Công văn số 489/UBND-NC ngày 25/7/2016 *"V/v cung cấp thông tin cho Tòa án nhân dân Huyện vụ bà Phạm Thị C và ông Phạm Chí D"*.

- Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C đối với ông Phạm Chí D và thành viên hộ gia đình của ông D gồm bà Phạm Thị H1, anh Phạm Trường K, ông Phạm Văn H, anh Phạm Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc B1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Giao cho bà C được quyền sử dụng đất lúa diện tích 2.000m², thuộc một phần thửa 1156, tờ bản đồ số 03 do hộ ông Phạm Chí D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện B cấp ngày 22/8/2001. Từ cận xác định:

+ Hướng đông giáp đất ông V (từ mốc số 7 đến mốc số 3 và mốc số 4): 67,68m (19,14m + 48,54m);

+ Hướng tây giáp đất ông V (từ mốc số 6 đến mốc số 5): 68,52m;

- + Hướng nam giáp đường nước (từ mốc số 4 đến mốc số 5): 26,84m;
- + Hướng bắc giáp phần còn lại thửa 1156 (từ mốc số 6 đến mốc số 7): 32,14m;

(Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện B ngày 27/11/2015 và Sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B ngày 31/3/2016)

Bà C có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký QSD đất được giao như nêu trên.

Đề nghị UBND huyện B thu hồi quyền sử dụng đất trồng lúa diện tích 2.000m² thuộc một phần thửa 1156, mục đích sử dụng: đất trồng lúa, diện tích 2.700m², tờ bản đồ số 03 đã cấp cho hộ ông Phạm Chí D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/8/2001 để cấp lại cho bà Phạm Thị C theo diện tích đã được giao như nêu trên.

Ông Phạm Chí D và thành viên hộ gia đình của ông D gồm bà Phạm Thị H1, anh Phạm Trường K, ông Phạm Văn H, anh Phạm Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc B1 có nghĩa vụ giao quyền sử dụng đất tranh chấp nêu trên cho bà Phạm Thị C được quyền sử dụng.

Về án phí:

- Ông Phạm Chí D và thành viên hộ gia đình của ông D gồm bà Phạm Thị H1, anh Phạm Trường K, ông Phạm Văn H, anh Phạm Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc B1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp là 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu số BM/2012 028309 ngày 22/7/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo; quyền và thời hiệu yêu cầu thi hành án; nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- Ngày 13/3/2017, ông Phạm Chí D có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử xét thấy: phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn K1, là ông nội của ông Nguyễn Văn H2 được Nhà nước đưa vào Tập đoàn, đến năm 1981 Nhà nước cấp cho hộ gia đình theo nhân khẩu là 1.300m²/một người, còn trường hợp gia đình chính sách thì được cấp

2.000m²/một người, trong đó có gia đình ông D. Do gia đình ông D thuộc diện chính sách, gia đình liệt sĩ và có 06 nhân khẩu, trong đó có bà C, nên được cấp 12.000m² đất nông nghiệp và 2.594m² đất ở. Năm 1990 bà C lấy chồng, năm 1992 thì ông D có cho lại bà C ô đất có diện tích 2.000m², bà C canh tác đến năm 1996 thì có chủ trương trả thành quả lao động cho chủ đất cũ nên bà C có trả cho ông Nguyễn Văn H2 2.600.000đ/2.000m². Các nội dung này phù hợp với lời khai của ông H2 cũng như những người làm chứng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, tại thời điểm Nhà nước giao cho hộ ông D, bà C 12.000m² đất nông nghiệp và 2.594m² đất ở thì bà C cũng là một thành viên trong hộ và có quyền sở hữu chung tương ứng với phần diện tích đất 2.000m²/nhân khẩu; bà C cũng có cùng canh tác trong hộ và đến năm 1996 bà C cũng đã trả tiền thành quả lao động cho phía gia đình chủ đất cũ là ông H2, còn việc bà C có không sử dụng đất một thời gian không làm mất quyền sử dụng đất của bà C, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà C và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc phía bị đơn phải giao trả đất do bao chiếm là đúng.

Ngoài ra tại cấp phúc thẩm, ông D có cung cấp các văn bản về xác nhận của những người làm chứng gồm: Phạm Thị H3, Phạm Thị T1, Đinh Văn Đ, Phạm Văn H4 nhưng Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa những người làm chứng này không có mặt; lời khai của họ cũng đều không xác định rõ ràng về nguồn gốc đất; mặt khác giữa họ với ông D có mối quan hệ bà con thân thuộc nên cũng không khách quan, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 26, 131, 166 và 203 Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Chí D.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C đối với ông Phạm Chí D và thành viên hộ gia đình của ông D gồm bà Phạm Thị H1, anh Phạm

Trường K, ông Phạm Văn H, anh Phạm Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc B1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Buộc hộ ông Phạm Chí D và thành viên hộ gia đình của ông D gồm bà Phạm Thị H1, anh Phạm Trường K, ông Phạm Văn H, anh Phạm Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc B1 có nghĩa vụ giao quyền sử dụng đất tranh chấp nêu trên cho bà Phạm Thị C được quyền sử dụng.

- Bà Phạm Thị C có quyền sử dụng diện tích đất lúa 2.000m², thuộc một phần thửa 1156, tờ bản đồ số 03 do ông Phạm Chí D đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện B cấp ngày 22/8/2001. Tứ cận xác định:

+ Hướng đông giáp đất ông V (từ mốc số 7 đến mốc số 3 và mốc số 4): 67,68m (19,14m + 48,54m);

+ Hướng tây giáp đất ông V (từ mốc số 6 đến mốc số 5): 68,52m;

+ Hướng nam giáp đường nước (từ mốc số 4 đến mốc số 5): 26,84m;

+ Hướng bắc giáp phần còn lại thửa 1156 (từ mốc số 6 đến mốc số 7): 32,14m;

(Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện B ngày 27/11/2015 và sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B ngày 31/3/2016).

- Bà Phạm Thị C có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất được giao như nêu trên.

- Đề nghị UBND huyện B thu hồi quyền sử dụng đất trồng lúa diện tích 2.000m² thuộc một phần thửa 1156, mục đích sử dụng: đất trồng lúa, diện tích 2.700m², tờ bản đồ số 03 đã cấp cho hộ ông Phạm Chí D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/8/2001 để cấp lại cho bà Phạm Thị C theo diện tích đã được xác định như trên.

- Về án phí:

+ Hộ ông Phạm Chí D, bà Phạm Thị H1, anh Phạm Trường K, ông Phạm Văn H, anh Phạm Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc B1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do là người thân của liệt sỹ.

+ Ông Phạm Chí D được miễn án phí phúc thẩm do là người thân của liệt sỹ nên ông D được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 07577 ngày 14/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

+ Bà Phạm Thị C không phải chịu án phí và được nhận lại 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 028309 ngày 22/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy